

Bản án số: 51/2022/HS-PT

Ngày: 30-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 112/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Đoàn Tấn T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Tấn T, sinh năm 1991, tại Long An; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; Có vợ tên Nguyễn Thị Yến N (đã ly thân), có 01 con sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 05/4/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong vào ngày 24/8/2019; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997, tại Long An; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M và bà Đoàn Thị Bé B; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 14/4/2020, bị Công an huyện Tân Thạnh xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác với số tiền 2.500.000 đồng, đã đóng phạt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2020 đến ngày 29/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra còn có bị cáo Âu Thành M không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bị hại: Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đoàn Thị Bé B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Phan Văn K, sinh năm 2001; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 169/99/113 đường Ngô Tất T, phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/01/2021, Âu Thành M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động (ĐTDD) hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax 128G của chị Nguyễn Thị Hồng G (dì ruột của M), để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. M điện thoại cho Phan Văn K và nói dối với K là bạn gái của M sử dụng điện thoại quay clip, chụp ảnh nhạy cảm để tống tiền M, M rủ K lấy điện thoại di động của bạn gái M để xóa hình ảnh, clip nhạy cảm, M sẽ trả công cho K số tiền 6.000.000 đồng nhưng K không đồng ý tham gia thực hiện. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/01/2021, K gặp Nguyễn Văn T1, Đoàn Tấn T và nói cho T1 và T nghe việc M tìm người giúp M lấy điện thoại của bạn gái M. T1, T xin K số điện thoại của M. Sau đó, T1 sử dụng ĐTDD nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ gắn sim số 0362.081.114 gọi vào ĐTDD nhãn hiệu VIVO1902, màu xanh gắn sim số 0387.651.954 của M, hẹn gặp M tại cầu X thuộc khu phố 3, thị trấn T, T, Long An. Tại đây, M rủ T, T1 lấy điện thoại di động của bạn gái M và thỏa thuận sẽ trả cho T, T1 số tiền là 6.000.000 đồng. T và T1 đồng ý tham gia thực hiện. Sau đó, M dẫn cả hai đến khu nhà trọ gần chân cầu X chỉ chỗ chị G đang ở trọ và kêu T, T1 đột nhập vào nhà trọ lấy điện thoại của chị G (M nói dối đó là bạn gái của M). Lúc này, khu nhà trọ đông người nên T1 và T không thực hiện được nên tất cả cùng đi về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, M điện thoại rủ chị G đi ăn ở quán ăn T tại khu phố 4, thị trấn T, huyện Tân Thạnh, với mục đích để G ra khỏi nơi ở trọ và được chị G đồng ý. Sau đó, M điện thoại cho T1 hẹn gặp T, T1 tại đường lộ khu dân cư gần quán ăn P thuộc khu phố 1, thị trấn T, T, Long An. Tại đây M nói với T, T1 là M sẽ chở bạn gái (G) đi ăn, kêu cả hai lại quán nước khu vực bờ kè Thị trấn T gần cầu C ngồi uống nước đợi, khi nào M chở bạn gái chạy ngang sẽ bóp còi để cả hai theo sau, khi đến đoạn đường vắng người thì chặn

đầu xe, giả vờ đánh M, không chế bạn gái M cướp ĐTDĐ rồi tẩu thoát, sau đó hẹn nhau để đưa lại điện thoại cho M, M sẽ trả cho T và T1 số tiền 6.000.000 đồng. T và T1 thống nhất đồng ý cùng tham gia thực hiện.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô Honda, loại Wave S, màu đỏ bạc, biển số 52X4-9641 chở G đi về hướng quán ăn T, khi chạy đến chỗ T và T1 đang ngồi chờ sẵn M bóp còi ra hiệu, T điều khiển xe mô tô Satria F150 biển số 62E1-219.44 chở T1 ngồi phía sau chạy theo sau M. M điều khiển xe mô tô qua quán ăn T khoảng 20m thì giả vờ nghe điện thoại và điều khiển xe chạy chậm lại, T điều khiển xe mô tô chở T1 từ phía sau vượt lên chặn đầu xe của M. T xuống xe giả vờ dùng tay đánh trúng đầu và bụng M làm M bỏ chạy, T1 dùng tay phải cướp lấy ĐTDĐ hiệu Apple, số loại Iphone 11 loại 64G trong túi quần jean của chị G rồi lên xe mô tô do T điều khiển cùng tẩu thoát về hướng Quốc lộ N2. Lúc này, M hỏi G bị lấy điện thoại gì, G nói bị cướp điện thoại di động Iphone 11. Nghe vậy, M gọi điện thoại cho cả hai quay lại cướp tiếp điện thoại di động hiệu Iphone 12. Sau đó, G kêu M chở về nhà trọ nhưng M chở G rẽ trái vào đường đá xanh vắng người thuộc đường số 4, khu phố 4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Lúc này, T điều khiển xe mô tô chở T1 tăng ga từ phía sau vượt lên chặn đầu xe của M. T hỏi G “*còn cái Iphone 12 nữa đâu*”, G không trả lời, M bước tới giả vờ can ngăn, T dùng hai tay đẩy M té ngồi ngửa xuống đường, T1 dùng 02 tay kìm 02 vai, đè G ngồi xuống đường, G vùng vẫy làm ĐTDĐ hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax 128G rơi xuống đường, T cướp lấy điện thoại đưa cho T1 giữ, T điều khiển xe chở T1 cùng tẩu thoát về hướng Quốc lộ N2, sau đó, T1 điện thoại cho M hẹn ra gặp để đưa 02 ĐTDĐ vừa cướp được cho M nhưng M không ra, nên T1 đem 02 ĐTDĐ vừa cướp được đến cất giấu gần cầu X thuộc ấp X, xã T, huyện T rồi T1 điện thoại thông báo cho M biết chỗ cất giấu điện thoại để M tự đến lấy. Đến 21 giờ 45 phút cùng ngày, M biết G đến Công an huyện Tân Thạnh trình báo sự việc bị cướp điện thoại, M nhận thấy, không thể che giấu hành vi phạm tội nên đã đến Công an huyện Tân Thạnh tự thú vào đêm 19/01/2021. Đến sáng ngày 20/01/2021, T và T1 tự nguyện đến Công an huyện Tân Thạnh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Tân Thạnh kết luận: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 11 loại 64G, màu đen có giá trị còn lại là 16.717.468 đồng và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 12 Promax 128G, màu xanh có giá trị còn là 32.653.006 đồng. Tổng giá trị tài sản là 49.370.474 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Âu Thành M, Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 cùng phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Âu Thành M 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 20/01/2021).

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Đoàn Tấn T 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 20/01/2021).

Nguyễn Văn T1 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 20/01/2021).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn tạm giam, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 12/10/2021, các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 thừa nhận đã thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại G do bị cáo M bàn bạc sắp xếp đúng như bản án sơ thẩm đã xử, các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Về tố tụng: Các bị cáo kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Âu Thành M biết di ruột là Nguyễn Thị Hồng G có điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax 128G nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 19/01/2021, M đã thuê bị cáo T, T1 thực hiện hành vi cướp tài sản 02 lần của chị G là 02 ĐTDĐ hiệu Apple, loại Iphone 11 loại 64G và Iphone 12 Promax 128G, màu xanh. Tổng giá trị tài sản là 49.370.474 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cướp tài sản” cấp sơ thẩm xét xử áp dụng Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T1, T đầu thú, bị cáo T1 có ông ngoại tham gia cách mạng là thương binh hạng 4/4, bị cáo T có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng, bị hại có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau khi vụ án xét xử sơ thẩm bị cáo Đoàn Tấn T, Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Qua nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nhận thấy:

Bị cáo Âu Thành M nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của dì ruột nên vạch ra kế hoạch để thực hiện tội phạm như: thuê người, chỉ điểm nơi ở của bị hại, chọn thời gian, địa điểm, ra tín hiệu, cách thức thực hiện để cướp tài sản. Lúc đầu, bị cáo M có ý định trộm tài sản, nhưng không thực hiện được nên bị cáo M vạch ra kế hoạch khác dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của nạn nhân. Cho thấy các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, phạm tội có tổ chức, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự truy tố, xét xử các bị cáo là chưa chính xác, không đúng điểm khoản của điều luật. Mặt khác, khi chiếm đoạt không đúng tài sản chiếm đoạt bị cáo M tiếp tục hướng dẫn cho 02 bị cáo T, T1 quay trở lại dùng vũ lực để chiếm đoạt bằng được tài sản cần chiếm đoạt. Hành vi của các bị cáo chiếm đoạt trong 02 hoàn cảnh, thời gian, điều kiện khác nhau nên phạm tội hai lần, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là thiếu sót.

Tuy nhiên, xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo không nhẹ nên không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án giao về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại mà cần giữ y án, rút kinh nghiệm chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Tấn T, Nguyễn Văn T1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Bị cáo Âu Thành M là cháu gọi bị hại Nguyễn Thị Hồng G bằng dì. Bị cáo M biết chị G có sử dụng 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax 128G có giá trị cao nên M có ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, ngày 19/01/2021 M đã thuê bị cáo T và bị cáo T1 thực hiện hành vi cướp tài sản của chị G, bị cáo M sẽ trả công cho các bị cáo T và T1 số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo M đã nói dối với các bị cáo T và T1 về việc chị G là bạn gái của M và mục đích M lấy điện thoại nhằm xóa các hình ảnh và clip nhạy cảm giữa bị cáo M và bạn gái lưu trong điện thoại. Các bị cáo T, T1 đã đồng ý cùng M thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bằng cách bị cáo M sắp xếp sẽ rủ chị G đi ăn, các bị cáo T và T1 sẽ đón chặn xe của bị cáo M, giả vờ đánh bị cáo

M để cướp điện thoại của chị G. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày 19/01/2021, bị cáo M điều khiển xe mô tô chở chị G chạy trên đường lộ thuộc địa bàn thị trấn T, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150 biển số 62E1-219.44 chở T1 từ phía sau vượt lên chặn đầu xe của bị cáo M. Bị cáo T giả vờ dùng tay đánh trúng đầu và bụng bị cáo M, bị cáo M bỏ chạy. Bị cáo T1 cướp lấy 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 11 64G trong túi quần jean của chị G. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo T1 tẩu thoát. Lúc này, bị cáo M hỏi chị G bị lấy điện thoại gì, G nói điện thoại Iphone 11, nghe vậy bị cáo M gọi điện thoại cho các bị cáo T1, T quay lại cướp tiếp điện thoại di động hiệu Iphone 12 còn lại của G. Bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo T1 quay lại tăng ga từ phía sau vượt lên chặn đầu xe của bị cáo M. Bị cáo M bước tới giả vờ can ngăn, bị cáo T đẩy bị cáo M té ngồi ngửa xuống đường, bị cáo T1 dùng 02 tay kìm 02 vai, đè G ngồi xuống đường, G vùng vẫy làm điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax 128G rơi xuống đường, bị cáo T cướp lấy điện thoại đưa cho bị cáo T1 giữ, sau đó bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo T1 tẩu thoát. Tài sản mà các bị cáo M, T, T1 chiếm đoạt được Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Tân Thạnh định giá có giá trị là 49.370.474 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị G của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 của Bộ Luật hình sự.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi trái pháp luật của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng vũ lực làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên Tòa án sơ thẩm xác định các bị cáo đã có hành vi phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ Luật hình sự là đúng, không oan. Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Âu Thành M 03 năm 06 tháng tù, áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đoàn Tấn T 03 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 năm tù. Bị cáo M không kháng cáo bản án sơ thẩm. Các bị cáo T và T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T và T1 đầu thú, bị cáo T1 có ông ngoại tên Đoàn Văn T tham gia cách mạng là thương binh hạng 4/4, bị can T có bà ngoại tên Trần Thị H là mẹ Việt Nam anh hùng, bị hại có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 là 03 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T có cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình khó khăn, bị cáo T1 không cung cấp tình tiết giảm

nhẹ nào mới. Xét thấy, các bị cáo M, T và T1 đã thực hiện hành vi phạm tội có bản bạc, phân công thực hiện hành vi phạm tội chặt chẽ và có kết hợp thực hiện hành vi. Bị cáo M có vai trò chủ mưu và cùng các bị cáo T và T1 phối hợp thực hiện tội phạm hoàn thành cho thấy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự để truy tố, xét xử các bị cáo là không đúng điểm, khoản của điều luật. Mặt khác, các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp tài sản của chị G 02 lần trong 02 hoàn cảnh, thời gian, điều kiện và tài sản khác nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, dẫn đến việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo chưa đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phải bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự, có mức hình phạt từ 07 năm tù đến 15 năm tù; Đồng thời, các bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong khi bị cáo M có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo T và T1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, như vậy, các bị cáo không có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù và 03 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, mà các bị cáo phải bị xét xử theo khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt thấp nhất là 07 năm tù. Do vậy, án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo nêu trên là nhẹ, không đúng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, có sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đúng. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm cho rằng cấp sơ thẩm không áp dụng đúng tình tiết định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo là vi phạm khi áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt nhưng cho rằng mức hình phạt của án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo, mỗi bị cáo 03 năm tù, là không nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để cấp phúc thẩm xét xử tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm để truy tố, xét xử lại theo quy định tại khoản 1 Điều 358 hay sửa bản án sơ thẩm để tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và T1, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm, đồng thời kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo thủ tục Giám đốc thẩm theo thẩm quyền là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Tấn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022) để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Đoàn Tấn T và Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người TGTT khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Nhậm